TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/DS-ST
Ngày: 26/9/2017
"V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thế chấp tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sở thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn L

Ông Nguyễn Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2017 về "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thế chấp tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2017/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 201/2017/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỹ tín dụng B.

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp E, xã G, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 30/6/2017).

- Bị đơn:

+ Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1971;

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị S, sinh năm 1936;

Địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

+ Ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1966;

+ Bà Đào Thị Kim M, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

+ Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1976;

+ Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

+ Ông Lê Hòa H, sinh năm 1975;

+ Bà Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã K, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T có mặt; ông K, bà L, bà S, ông P, bà M, ông L, bà H, ông H, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/12/2016, các bản khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Quỹ tín dụng B trình bày:

Ngày 05/11/2015, ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thị L vay vốn tại Quỹ tín dụng B số tiền là 35.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 15246/HĐTD ngày 05/11/2015, mục đích vay vốn để sửa nhà ở. Thời hạn vay là 24 tháng (từ ngày 09/11/2015 đến ngày 09/11/2017). Kể từ ngày vay cho đến nay, ông K, bà L chưa trả số tiền gốc và lãi cho Quỹ tín dụng nên vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi hàng tháng.

Nay Quỹ tín dụng B yêu cầu ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị L trả cho Quỹ tín dụng số tiền gốc là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/9/2017 là 16.341.500 đồng). Tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 26/9/2017 là 51.341.500 đồng.

- Buộc ông K, bà L thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký với Quỹ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Tài sản bảo đảm để thi hành án: Quyền sử dụng đất thửa đất số 673, 725, cùng tờ bản đồ số 12 xã K, huyện D, tỉnh Đồng Nai được Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 683782 cho bà Lê Thị S ngày 28/02/1997 theo Hợp đồng đồng thế chấp tài sản của khách hàng vay vốn hoặc bảo đảm bằng tài sản thứ ba số 15246/HĐTC-BĐ ngày 05/11/2015 được Công chứng

tại Văn phòng công chứng C ngày 05/11/2015, số công chứng 2464, quyển số 03-2015TP/CC-SCC/HĐGD. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/11/2015 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh D.

Bị đơn ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, ông K, bà L đều vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản nêu ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông K, bà L vắng mặt nên không có lời khai.

Theo các bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Ông Huỳnh Văn P, bà Nguyễn Thị Kim M trình bày:

Ngày 01/01/2006, ông bà nhận chuyển nhượng diện tích ngang là 34m, dài 30m thuộc một phần thửa đất số 673, tờ bản đồ số 12 xã K nay là thửa 298, tờ bản đồ số 16, xã K của bà Lê Thị S, con trai bà S là ông Huỳnh Văn K cùng ký tên. Hai bên có làm giấy chuyển nhượng. Từ đó đến nay, ông bà đã trực tiếp canh tác, quản lý, sử dụng đất. Gia đình ông bà đã nhiều lần mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục đăng ký kê khai nhưng gia đình bà S lấy nhiều lý do chưa đưa cho ông bà. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất là việc riêng giữa vợ chồng ông bà và gia đình bà S, không liên quan đến cha mẹ và các con.

Nay Quỹ tín dụng B yêu cầu ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị L trả tiền nợ gốc và lãi trong hợp đồng vay tài sản cho Quỹ tín dụng thì ông bà không có ý kiến gì và cũng không có liên quan gì đến khoản vay này và cũng không có yêu cầu gì khác trong vụ án.

2. Bà Lê Thị Mỹ T, ông Lê Hòa H trình bày:

Vào năm 2007, ông bà mua của bà Lê Thị S diện tích 780m^2 với số tiền là 58.000.000 đồng thuộc thửa đất số 933, tờ bản đồ số 16 xã K. Bà chưa nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông K để đi đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay Quỹ tín dụng B khởi kiện ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản thì ông bà không có ý kiến gì, cũng không có yêu cầu độc lập đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Ông Huỳnh Văn L, bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

Vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng một phần đất của bà Lê Thị S, sinh năm 1936, hiện ngụ tại: Ấp H, xã K, huyện D, tỉnh Đồng Nai, khi mua có sự đồng ý của anh Huỳnh Văn K là con bà S. Đất chuyển nhượng thuộc một phần thửa 725, tờ bản đồ số 12 (cũ) nay là thửa 388, 932 tờ bản đồ số 16 (mới) xã K.

Ngày 13/06/2016, ông bà nộp hồ sơ đăng ký làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh D,

nhưng đến nay chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay, vợ chồng ông bà đang quản lý, sử dụng diện tích đất trên.

Nay Quỹ tín dụng B khởi kiện ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản thì ông bà không có ý kiến gì, cũng không có yêu cầu độc lập đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Bà Lê Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bà S đều vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản nêu ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà S vắng mặt nên không có lời khai.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- Về tố tụng:

+ Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ là đúng quy định.

+ Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng có có tại hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng*:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quỹ tín dụng B khởi kiện ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1971; Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; Cùng địa chỉ tại: Ấp H, xã K, huyện D, tỉnh Đồng Nai tranh chấp về hợp đồng vay tài sản; Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

[2] Bị đơn ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị L; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn P, bà Đào Thị Kim M, ông Huỳnh Văn L, bà Nguyễn Thị Hồng H, ông Lê Hòa H, bà Lê Thị Mỹ T có có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định.

** Về nội dung*:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Quỹ tín dụng B yêu cầu ông K, bà L phải trả số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng, nợ lãi là 16.344.500 đồng căn cứ vào hợp đồng tín dụng đã xác lập giữa hai bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông K, bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền 1.500.000 đồng nợ gốc và nợ lãi hàng tháng. Căn cứ vào mục 1.2 khoản 1, Điều 6 của hợp đồng tín dụng, Quỹ tín dụng B khởi kiện ông K, bà L trước thời hạn là có căn cứ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn. Kể từ thời điểm vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm ông K, bà L vẫn chưa thanh toán số nợ gốc cho Quỹ tín dụng B. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 35.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về yêu cầu nợ lãi: Theo hợp đồng tín dụng số 15246/HĐTD ngày 05/11/2015, Quỹ tín dụng B và ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị L thỏa thuận lãi suất là 1.4%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, phương thức trả tiền lãi là trả hàng tháng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng thì việc thỏa thuận về lãi suất giữa Quỹ tín dụng B và ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị L là đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị L vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi. Như vậy, tiền lãi mà ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm thanh toán bao gồm nợ lãi nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cụ thể như sau:

Lãi trong hạn một tháng: 35.000.000 đồng x 1 tháng x 1.4%/tháng = 490.000 đồng;

Lãi quá hạn 21 tháng 17 ngày: (35.000.000 đồng x 21 tháng x 2.1%/tháng) + (35.000.000 đồng x 17 ngày x 0,07%/tháng) = 15.851.500 đồng.

Tổng lãi trong hạn và lãi quá hạn là: 15.851.500 đồng + 490.000 đồng = 16.341.500 đồng.

[5] Nghĩa vụ chậm thi hành án: Theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Do đó, yêu cầu của Quỹ tín dụng B buộc ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 15246/HĐTD ngày 05/11/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này là có cơ sở để chấp nhận.

[6] Tài sản thế chấp theo hợp đồng tín dụng: Theo Hợp đồng thế chấp tài sản khách hàng vay vốn hoặc bảo đảm bằng tài sản thứ ba số 15246/HĐTC-BĐ ngày

05/11/2015, bà Lê Thị S thế chấp quyền sử dụng diện tích 4590 m^2 thuộc thửa đất số 673 tờ bản đồ số 12 (cũ) xã K nay là thửa đất số 298, tờ bản đồ số 16 xã K; thửa 725 tờ bản đồ số 12 (cũ) nay là các thửa 930, 931, 932, 933, 388 cùng tờ bản đồ số 16 xã K, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C683782 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 28/02/1997 cho bà Lê Thị S, sinh năm 1936 để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 15246/HĐTD ngày 05/11/2015 đối với Quỹ tín dụng B đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh D.

Theo kết quả xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh D thửa 930, 931 tờ bản đồ số 16 xã K đã được tách và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước thời điểm Quỹ tín dụng B đăng ký thế chấp. Thời điểm thế chấp thửa 725 tờ bản đồ số 12 (cũ) chỉ còn các thửa còn là 932, 933, 388 tờ bản đồ số 16, xã K, vào thời điểm đăng ký thế chấp chưa có ai đăng ký quyền sở hữu đối với các thửa nêu trên tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh D. Theo quy định tại Điều 342, 343, 715, 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 10 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, việc thế chấp quyền sử dụng đất phải được thành lập bằng văn bản, được đăng ký thế chấp và có hiệu lực từ thời điểm thế chấp. Do đó, việc thế chấp quyền sử dụng của bà Lê Thị S cho Quỹ tín dụng B là hợp pháp. Do đó, yêu cầu của Quỹ tín dụng về việc xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án là có căn cứ chấp nhận.

[7] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị S, ông Huỳnh Văn P, bà Đào Thị Kim M, ông Huỳnh Văn L, bà Nguyễn Thị Hồng H, ông Lê Hòa H, bà Lê Thị Mỹ T không có tranh chấp và không có yêu cầu độc lập trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tính lãi phạt theo hợp đồng vay đã xác lập. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[9] Về chi phí tố tụng: Quỹ tín dụng B tự nguyện chịu số tiền chi phí tố tụng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) mà Quỹ tín dụng B đã nộp theo Biên bản ghi nhận ngày 20/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu. Quỹ tín dụng B đã nộp đủ chi phí tố tụng.

[10] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng B được chấp

nhận nên ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5% x 51.341.500 đồng = 2.567.075 đồng.

Quỹ tín dụng B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.135.000 đồng (Một triệu một trăm ba mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 009924 ngày 20/01/2017 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 342, 343, 471, khoản 1 Điều 474, 715, 721 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 10 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng B về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thế chấp tài sản".

Buộc ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng B số tiền 51.341.500 đồng (Năm mươi mốt triệu, ba trăm bốn mươi mốt ngàn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 15246/HĐTD ngày 05/11/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Tài sản bảo đảm để thi hành án: Quyền sử dụng diện tích 4590 m^2 thuộc thửa đất số 673 tờ bản đồ số 12 (cũ) xã K (nay là thửa đất số 298 tờ bản đồ 16 xã K); Thửa đất số 725 tờ bản đồ số 12 (cũ) xã K (nay là các thửa 388, 932, 933 cùng tờ bản đồ số 16 xã K), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C683782 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 28/02/1997 cho bà Lê Thị S.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về tính lãi phạt theo hợp đồng với số tiền 1.836.000 đ (một triệu, tám trăm ba mươi sáu ngàn đồng) của nguyên đơn Quỹ tín dụng B.

3. Về án phí: Ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.567.075 đồng (hai triệu, năm trăm sáu mươi bảy ngàn, không trăm bảy mươi lăm đồng).

Quỹ tín dụng B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.135.000 đồng (Một triệu một trăm ba mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 009924 ngày 20/01/2017 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN– CHỦ TỌA

Nguyễn Xuân Quang